

Bản án số: 113/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 03 – 07 – 2024
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam

2. Ông Trần Thanh Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2024/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 21/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2024/QĐST – HNGĐ ngày 14/6/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh B, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thùy D vắng mặt (có đơn đề nghị được vắng mặt); ông Trần Minh B vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2024, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh B tự quen biết, tìm hiểu nhau được 09 tháng. Ông bà tự nguyện tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã M ngày 12/5/2022. Hôn nhân lần thứ nhất của bà và lần thứ 2 của ông B. Sau khi kết hôn, bà và ông B chung sống tại nhà của ông B thuộc tổ B, ấp M, xã M. Ông B đang là làm nhân viên của Công ty TNHH MTV M. Quá trình chung sống, vợ chồng bà hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B ăn chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc gây nợ và không tôn trọng bà. Bà nhiều lần nhắc nhở, góp ý nhưng ông Bằng không thay đổi. Cuộc sống của ông bà từ đó thường xuyên cự cãi, không có tiếng

nói chung, không còn hạnh phúc. Bà có nhờ mẹ bà góp ý thêm nhưng vẫn không có kết quả. Đến đầu tháng 8 năm 2023, bà dắt con về nhà cha mẹ ruột của bà ở cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, ông B cũng có tới lui thăm con. Tuy nhiên, về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà thì không có cơ hội hàn gắn. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông B có 01 (một) con chung tên Trần Lê Kim A, sinh ngày 28/9/2022, đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Bằng cấp d nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông B vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Bằng k còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D. Về con chung, nhận thấy, cháu A được bà D nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định tâm lý cho con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà D. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng và ông B không có ý kiến tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Lê Thị Thùy D và ông Trần Minh B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn có nơi cư trú hợp pháp tại xã M, thành phố L. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, qua kết quả xác minh tình trạng cư trú ngày 26/4/2024 thể hiện, ông B đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thuộc ấp M, xã M và vẫn còn sinh sống ở địa phương. Như vậy, đã đủ cơ sở để xác định ông B có nơi cư trú hợp pháp là địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và 179 của BLTTDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông B tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Phía bà D có Đơn đề nghị được vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D và ông Trần Minh B tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã M cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 12/5/2022 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Bà D cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông B ham mê cờ bạc, nhậu nhẹt và không tôn trọng bà. Phía ông B được Tòa án nhiều lần triệu tập, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông B vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà D, không đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, ông B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của BLTTDS và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải, động viên, phân tích để bà D có thể vì con mà rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, bà D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn của bà D và ông B đã trầm trọng, hai bên không còn quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn ông B.

[6] Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh số 109/2012 ngày 09/3/2012 và bản sao Giấy khai sinh số 1043 ngày 29/02/2015 của Ủy ban nhân dân xã M, đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà D và ông B có 01 con chung chưa thành niên tên Trần Lê Kim A sinh ngày 28/9/2022. Xét thấy, cháu Kim A chưa được 36 tháng tuổi và đang được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà D.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu nên ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông B về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001846 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy D được ly hôn ông Trần Minh B.

[2] Về con chung: Ông, bà có 01 (một) con chung tên Trần Lê Kim A sinh ngày 28/9/2022. Giao cháu Trần Lê Kim A cho bà D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bằng không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

(Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có quyền thỏa thuận cấp dưỡng, trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.)

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001846 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hòa Hưng (GCNKH số 73 ngày 12/5/2022);
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh